

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 19-4-2023

“V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- *Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Năng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Hồng
Ông Nguyễn Thái Linh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Ngô Khánh Chi - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:* Bà Dương Thị Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2023 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 222/TB-TLVA, ngày 08/11/2022. Theo Thông báo mở lại phiên tòa số 10/TB-TA, ngày 13/4/2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Đặng Thị A, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn Y, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1985. Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn Y, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tại Đài Loan. (Không có địa chỉ cụ thể). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, các tài liệu trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Đặng Thị A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị A và anh Nguyễn Văn H đăng ký kết hôn vào ngày 14/01/2010, tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Trước khi kết hôn hai người được tự do tìm hiểu, không bị ai ép buộc và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục. Vợ chồng có một con chung cháu Nguyễn Văn Q, sinh ngày 04/5/2011. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn cuộc sống gia đình kinh tế khó khăn, chị A phải đi làm ăn xa, thiếu sự quan tâm lẫn nhau nên tình cảm vợ chồng phai nhạt, không có tiếng nói chung. Gia đình nội, ngoại nhiều lần hòa giải,

khuyên nhủ nhằm mục đích hàn gắn tình cảm giữa hai vợ chồng nhưng không có kết quả. Hiện tại anh H đang lao động Đà Loan, do khoảng cách về địa lý và những mâu thuẫn trước đó nên khoảng cách giữa hai vợ chồng càng lớn không thể hàn gắn. Hiện tại, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị Đặng Thị A làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng chị Đặng Thị A và anh Nguyễn Văn H có 01 con chung là cháu Nguyễn Văn Q, sinh ngày 04/5/2011. Hiện tại, cháu Nguyễn Văn Q đang sống cùng chị Đặng Thị A. Chị Đặng Thị A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh Nguyễn Văn H mỗi tháng cấp dưỡng 3.000.000đồng tiền nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn H: Quá trình giải quyết vụ án, ngay từ khi thụ lý Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng cho người thân của anh H và niêm yết theo quy định pháp luật nhưng anh H vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì. Mặt khác, nguyên đơn là chị Đặng Thị A không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh H ở nước ngoài mà chị chỉ biết anh đang lao động tự do ở Đà Loan. Vì vậy, Tòa án đã xác minh và yêu cầu bà Võ Thị X là mẹ ruột của anh Nguyễn Văn H cung cấp địa chỉ của anh H cũng như yêu cầu bà thông báo cho anh H biết về các nội dung yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị A để anh H gửi lời khai về cho Tòa án. Qua các lần xác minh, bà X cho biết hiện anh Nguyễn Văn H đang lao động tự do ở nước ngoài và thỉnh thoảng có liên lạc với gia đình qua điện thoại nhưng địa chỉ cụ thể của anh H ở nước ngoài như thế nào thì bà không rõ, việc Tòa án thụ lý vụ án ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của chị A thì anh Nguyễn Văn H đã nắm được thông tin nhưng không trao đổi lại ý kiến gì về các nội dung liên quan đến việc ly hôn cho bà X hay gia đình được biết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ án, đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 123, 127 Luật hôn nhân gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu miễn giảm thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí, giải quyết:

- Về tình cảm: Cho chị Đặng Thị A được ly hôn anh Nguyễn Văn H.
- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn Q, sinh ngày 4/5/2011 cho chị Đặng Thị A được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con đến tuổi trưởng thành, anh H nộp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xem xét.
- Về án phí: Buộc chị Đặng Thị A nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại thời điểm thụ lý vụ án anh Nguyễn Văn H lao động tự do tại Đài Loan, không có địa chỉ cụ thể. Theo Công văn cung cấp thông tin xuất nhập cảnh số 22457/QLXNC – P5 ngày 26/10/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an xác nhận thông tin: Anh Nguyễn Văn H, sinh ngày 16/2/1985, xuất nhập cảnh nhiều lần, lần cuối cùng sử dụng hộ chiếu số C9773894 xuất cảnh ngày 25/2/2022 qua cửa khẩu sân bay Quốc tế Nội Bài hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Đây là vụ án hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài do có bị đơn đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài. Căn cứ Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5, Điều 7 Nghị quyết 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

[1.2] Ngoài ra, để giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật, Tòa án đã tiến hành xác minh thông tin về anh Nguyễn Văn H thông qua người thân của anh là bà Võ Thị X (Mẹ đẻ anh H). Qua các lần xác minh, bà X cho biết anh Nguyễn Văn H đang lao động tự do ở nước ngoài và thỉnh thoảng có liên lạc với gia đình qua điện thoại nhưng địa chỉ cụ thể của anh H ở nước ngoài như thế nào thì bà không rõ, việc Tòa án thụ lý vụ án ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của chị A thì bà đã thông tin lại cho anh Nguyễn Văn H được biết. Anh H cũng không trình bày quan điểm về vấn đề tình cảm, con chung, tài sản chung, nợ chung bằng văn bản gửi cho Tòa án. Tuy nhiên, thông qua mẹ ruột anh Nguyễn Văn H cho biết, anh biết việc chị A nộp đơn xin ly hôn và anh không muốn ly hôn. Xét thấy, việc anh Nguyễn Văn H vẫn liên lạc về cho gia đình và biết được chị A làm đơn xin ly hôn đối với anh nhưng anh không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án nên có cơ sở xem đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, cung cấp những tài liệu cần thiết cho Tòa án. Do đó, căn cứ Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn H theo quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị A và anh Nguyễn Văn H đã tuân thủ các điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn ngày 14/01/2010, tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định về điều kiện kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân giữa anh H và chị A là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn cuộc sống gia đình kinh tế khó khăn, chị A phải đi làm ăn xa, thiếu sự quan tâm lẫn nhau nên tình cảm vợ chồng phai nhạt, không có tiếng nói chung. Theo chị A thì tình cảm vợ chồng không còn, anh chị đã lâu không liên lạc, không yêu thương, quan tâm và chia sẻ với nhau. Nay chị A nhận thấy không còn tình cảm và không thể hàn gắn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nhưng hôn nhân giữa chị A và anh H không đạt được mục đích đó. Anh H biết được việc chị A yêu cầu ly hôn và Tòa án đã thụ lý vụ án nhưng anh không có văn bản nêu ý kiến cũng như không trình bày quan điểm trực tiếp với Tòa án và không chấp hành yêu cầu của Tòa án. Căn cứ quy định tại Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 thì “*Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn*”. Vì vậy, nguyện vọng của chị A là chính đáng, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đặng Thị A, xử cho chị Đặng Thị A được ly hôn anh Nguyễn Văn H để mỗi người tự xây dựng cuộc sống mới tốt đẹp hơn.

[2.2] Về quan hệ con chung:

Vợ chồng có một con chung cháu Nguyễn Văn Q, sinh ngày 4/5/2011. Vợ chồng ly hôn chị A đề nghị giao con chung cho chị A được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con đến tuổi trưởng thành, yêu cầu anh H nộp tiền ưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Tại biên xác minh ngày 16/2/2023 tại nhà bà Võ Thị X mẹ đẻ anh H, bà X, trình bày: Bà X cho biết quan điểm của anh H nếu vợ chồng ly hôn, nếu Tòa án giải quyết ly hôn về con chung anh H có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị A nộp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, hiện tại cháu Nguyễn Văn Q đang ở với mẹ chị Đặng Thị A, cháu phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Quá trình giải quyết vụ án cháu có đơn trình bày nguyện vọng ở với mẹ. Còn anh H hiện tại đang ở nước ngoài không thể trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Nên để đảm bảo sự phát triển bình thường và ổn định cuộc sống cho cháu Q thì cần giao cháu Q cho chị Đặng Thị A được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con, do đương sự không thống nhất được với nhau về tiền cấp dưỡng nuôi con chung, số tiền chị A yêu cầu 3.000.000 đồng cấp dưỡng vượt quá mức lương cơ sở, nên giải quyết tiền cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000 đồng là phù hợp mức lương cơ sở hiện hành.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án: Chị Đặng Thị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 3 Điều 2, Điều 19, Điều 28, Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 149

Điều 227, Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Công văn số 253/TANDTCPC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao về giải quyết vụ án Ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ; đoạn 2 điểm b tiểu mục 2.1, mục 2 phần II Nghị quyết 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán TANDTC; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị A được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Văn Q, sinh ngày 04/5/2011 cho chị Đặng Thị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Nguyễn Văn H phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi và được quyền đi lại thăm nom con chung mà không bị ai ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

4. Về án phí: Buộc chị Đặng Thị A phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000380 ngày 07/11/2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã;
- Đương sự;
- Lưu HS, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Bùi Quang Năng